

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 573/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc L.

Địa chỉ: Phường Lê B, quận C, Thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Ông Nguyễn Công B.

Địa chỉ: Phường APĐ, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Thanh C.

Địa chỉ: Phường Lê B, quận C, Thành phố Cần Thơ. Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Ngọc L – Địa chỉ: Phường Lê B, quận C, Thành phố Cần Thơ. (Giấy ủy quyền chứng thực số 3023, quyền số 07/2020 – SCT/CK, ĐC ngày 10/7/2020 tại UBND phường Tân Thới Hiệp, Quận 12)

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 11 năm 2021,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 11 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Nguyễn Công B.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Nguyễn Công B thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 64/2016, ngày 04 tháng 7 năm 2016 do Ủy ban nhân dân phường Lê B, quận C, Thành phố Cần Thơ cấp cho bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Nguyễn Công B không còn giá trị.

2.2 Về con chung: Có 01 (một) con chung: Nguyễn B An Nhiên sinh ngày 08/02/2017. Đôi bên thoả thuận giao con chung cho bà L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên; ông B cấp dưỡng phí tổn nuôi con mỗi tháng

với số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng). Việc giao nhận tiền do các bên tự thực hiện hoặc thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Khi cần thiết vì quyền lợi mọi mặt của con, các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn; không bên nào được quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Kể từ ngày bà L có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông B chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì ông B còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.3 Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa giải quyết.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ngọc L về việc chia tài sản chung và nợ chung do bà L rút yêu cầu.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Thanh C về việc yêu cầu bà L và ông B trả nợ cho ông do ông C rút yêu cầu.

2.4 Về án phí: Án phí ly hôn và cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm hòa giải thành là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) bà Nguyễn Thị Ngọc L thỏa thuận nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0104620 ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L đã nộp đủ án phí sơ thẩm. Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Ngọc L số tiền án phí còn lại là 35.516.250đ (ba mươi lăm triệu năm trăm mười sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí nêu trên.

Hoàn lại cho ông Nguyễn Thanh C số tiền án phí 8.375.000đ (tám triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0104880 ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Quận 12;
- Chi cục THADS Quận 12;
- UBND phường Lê B, quận C, TP. Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trương Hữu Hạnh

573-HNST-11.6.21



2 000016 617122

NGUYỄN THỊ NGỌC L

07.12.2021 09:45